

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2020/DS-ST

Ngày: 24/8/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng;

2. Bà Nguyễn Thị Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2020/TLST-DS ngày 24/3/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 137/2020/QĐST-DS ngày 30/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở: 130 đường P, Phường B, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Mỹ L, sinh năm 1994; Chức vụ: Nhân viên quản lý tín dụng – Ngân hàng A – Chi nhánh Quận 9, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (*theo văn bản ủy quyền số: 020/QĐ-Q09 ngày 09/3/2020 của Ngân hàng A*)

(bà Võ Thị Mỹ Linh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị U, sinh năm: 1975

Địa chỉ: 15A Đường số 4, tổ 12, khu phố 6, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Ngân hàng A – chi nhánh quận 9 (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Đỗ Thị U đã ký hợp đồng vay số 00962348-0128309301T19204 ngày 12/01/2019 với nội dung thỏa thuận: số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, lãi suất vay là 7,5%/năm, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, hình thức vay là tín chấp. Theo hợp đồng vay nói trên Ngân hàng đã giải ngân vào tài khoản của bà Đỗ Thị U số tiền 200.000.000 đồng, theo thỏa thuận giữa hai bên, bà Đỗ Thị U có trách nhiệm mỗi tháng thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi là 4.600.000 đồng. Trong quá trình vay, từ ngày 12/01/2019 đến ngày 07/11/2019, bà U đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 46.000.000 đồng (gồm 23.254.098 đồng, tiền lãi trong hạn 22.745.902 đồng), số tiền còn nợ lại bà U không có thiện chí trả, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc và gửi các thông báo yêu cầu trả nợ nhưng bà U vẫn không thực hiện đúng. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đỗ Thị U thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 24/8/2020 là 230.007.385 đồng (gồm nợ gốc là 176.745.902 đồng, tiền lãi trong hạn là 52.254.098 đồng và tiền lãi quá hạn là 1.007.385 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 25/8/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận theo hợp đồng.

(2) Bị đơn bà Đỗ Thị U không hợp tác, không đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập, thông báo. Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác nhưng bà Đỗ Thị U vẫn cố tình vắng mặt không đến tòa để làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ Linh có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu và ý kiến như trên. Bị đơn bà Đỗ Thị U tiếp tục vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án chấp nhận. Bị đơn bà Đỗ Thị U vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa Ngân hàng A với bà Đỗ Thị U phát sinh quan hệ tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Đỗ Thị U (là người có nghĩa vụ) đã đăng ký thường trú tại quận Thủ Đức, địa chỉ khi tiến hành giao dịch vay mượn tiền, ghi trên hợp đồng là căn nhà 15A Đường số 4, tổ 12, khu phố 6, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, theo quy định khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp bà Đỗ Thị U thay đổi nơi ở mà không thông báo cho nguyên đơn thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Đỗ Thị U vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của nguyên đơn và xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Nhận thấy, hợp đồng vay số 00962348-0128309301T19204 ký ngày 12/01/2019 giữa bà Đỗ Thị U với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, được lập bằng văn bản có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 91, 96, 98 và 101 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên phải thực hiện.

[3.2] Căn cứ lời khai, sự thừa nhận cũng như không phản đối của các bên đương sự có cơ sở xác định: bà Đỗ Thị U có vay của Ngân hàng A số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, lãi suất vay là 7,5%/năm, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, hình thức vay là tín chấp. Hai bên có thỏa thuận bà Đỗ Thị U có trách nhiệm mỗi tháng thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi là 4.600.000 đồng. Trong quá trình vay, từ ngày 12/01/2019 đến ngày 07/11/2019 bà U đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 46.000.000 đồng (gồm 23.254.098 đồng, tiền lãi trong hạn 22.745.902 đồng), số tiền bà Đỗ Thị U còn nợ Ngân hàng tạm tính đến hết ngày 24/8/2020 là 230.007.385 đồng (gồm nợ gốc là 176.745.902 đồng, tiền lãi trong hạn là 52.254.098 đồng và tiền lãi quá hạn là 1.007.385 đồng). Xét thấy, bà Đỗ Thị U liên tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán định kỳ hàng tháng, nguyên đơn khởi kiện chấm dứt hợp đồng tín dụng thu hồi nợ và

tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Đỗ Thị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 96, Điều 98, Điều 101 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bà Đỗ Thị U có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 230.007.385 đồng (hai trăm ba mươi triệu không trăm lẻ bảy nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng), trong đó gồm tiền nợ gốc là 176.745.902 đồng, tiền lãi trong hạn là 52.254.098 đồng và tiền lãi quá hạn là 1.007.385 đồng.

Bà Đỗ Thị U phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 00962348-0128309301T19204, trên số dư nợ gốc tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 11.500.369 đồng (mười một triệu năm trăm nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng), buộc bà Đỗ Thị U phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 5.728.382 đồng (năm triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn ba trăm tám mươi hai đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0056873 ngày 24/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng A và bà Đỗ Thị U được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Thiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

